

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các nhà thầu cung cấp hoá chất, sinh phẩm

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương đang lập Kế hoạch mua sắm hoá chất, sinh phẩm lần 4 năm 2022. Theo bảng danh mục chi tiết đính kèm.

Kính mời các nhà thầu cung cấp có khả năng cung ứng các hoá chất, sinh phẩm gửi báo giá theo địa chỉ sau:

- Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương;
- Phó Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Điện thoại: 024 378 218 95 (máy lẻ 667);
- Email: phongvatunihbt@gmail.com

Khi cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ: Mai Thị Thanh (SĐT: 0944.726.866), Cán bộ Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.

Các đơn vị báo giá theo biểu mẫu excel đính kèm (lưu ý: các nhà thầu cung cấp báo giá không được thay đổi các thông tin trên các cột, dòng trên bản excel) và gửi báo giá bản mềm, bản cứng về địa chỉ nêu trên **trước ngày 10/11/2022**.

Lưu ý:

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí liên quan
- Báo giá có hiệu lực: tháng kể từ ngày phát hành
- Báo giá gửi qua gmail phải scan đóng dấu của nhà thầu
- Vui lòng đính kèm bản sao giấy phép kinh doanh đóng dấu của nhà thầu

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận :

- Như trên;
- P. Truyền thông, Website Viện
- Lưu VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN HUYẾT HỌC
TRUYỀN MÁU
TRUNG ƯƠNG
Nguyễn Hà Thanh

PHỤ LỤC I GÓI THẦU THEO PHẦN

Số TT MT	Phần	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Mã HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	1	Phần I: Nhóm hóa chất nhuộm																
	1	1	Bộ hiển thị màu nâu (Bond Polymer Refine Detection)	3	Polymex Refine Detection là một hệ thống liên kết kháng thể peroxidase từ ngựa (HRP) không chứa biotin để phát hiện IgG của chuột, thỏ và một số kháng thể nguyên phát IgM của chuột. Bộ này được dùng để nhuộm các phần của mô đã được cố định bằng formalin và đúc nén trên hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động.								7 lọ (6 lọ 30 ml và 1 lọ 2,4 ml)/kit	Kit	42			
2	1	2	Dung dịch rửa nền (Bond Dewax Solution 1)	3	Dewax Solution là một loại dung dịch để loại bỏ sáp parafin khỏi mô đã được đúc parafin, cố định bằng formalin trên hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động								1 lít/chai	Chai	18			
3	1	3	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên 1 (Bond Epitope Retrieval 1)	3	Epitope Retrieval Solution 1 là loại dung dịch pha sẵn để sử dụng cho việc bộc lộ kháng nguyên của mô nhúng parafin có định bằng formalin trên hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động								1 lít/chai	Chai	30			
4	1	4	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên 2 (Bond Epitope Retrieval 2)	3	Epitope Retrieval Solution 2 là loại dung dịch pha sẵn để sử dụng cho việc bộc lộ kháng nguyên của mô nhúng parafin có định bằng formalin trên hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động								1 lít/chai	Chai	36			
5	1	5	Dung dịch rửa máy (Bond Wash Solution 10X)	3	Wash Solution 10X Concentrate là dung dịch đậm đặc, cần pha loãng ban đầu. Dung dịch pha loãng dùng để rửa các phần của mô đã được đúc parafin, cố định bằng formalin trên hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động								1 lít/chai	Chai	18			
6	1	6	Bộ hóa chất rửa máy (Bond Aspiration Probe Cleaning Kit)	3	Aspiration Probe Cleaning System là dung dịch làm sạch các đầu kim hút của máy nhuộm hoá mô miễn dịch và sử dụng các protocol làm sạch đầu kim đã được cài đặt trong hệ thống (máy) nhuộm hóa mô miễn dịch tự động								3 lọ x 3,75 ml/kit	Kit	3			
7	1	7	Clearium Mounting medium	K	- Keo gắn - Dùng trong phòng thí nghiệm								118 ml/lọ	Lọ	20			
8	1	8	CD15, clone MIMA	3	Kháng thể đơn dòng CD15 (MMA) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với protein CD15 của người trong các mô đã đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch trên hệ thống (máy) tự động								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6			
9	1	9	ALK, Clone 5A4	K	Kháng thể đơn dòng Anaplastic Lymphoma Kinase (5A4) được dùng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học của các protein nội sinh ALK và ALK trong mô đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6			

:NHU
TRUY
TRUN

[Handwritten signature]

Số TT MT	Phân phần	SIT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
10	1	3	Bcl-2, Clone bcl-2/100/D5	3	Kháng thể đơn dòng Bcl-2 (bcl-2/100 /D5) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với Bcl-2 sinh ung trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.	7	8	9	10	11	12	13	14	Lọ	12	17	18
11	1	11	Bcl-6, Clone LN22	3	Kháng thể đơn dòng Bcl-6 (LN22) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với gen Bcl-6 của người sản phẩm trong mô nhúng parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	12		
12	1	12	CD10, Clone 56C6	3	Kháng thể đơn dòng CD10 (56C6) được thiết kế để sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với CD10 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	18		
13	1	13	CD103, Clone EP206	3	Kháng thể đơn dòng CD103 (EP206) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với protein CD103 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
14	1	14	CD117, Clone EPI10	3	Kháng thể đơn dòng CD117 (EPI10) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với protein CD117 của người trong mô nhúng parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
15	1	15	CD123, Clone 7G3	3	Kháng thể đơn dòng chuột CD123 (7G3) được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% Kháng thể đơn dòng chuột chống người CD123 được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml & lọ mã vạch/Kit	Kit	3		
16	1	16	CD13, Clone 38C12	3	Kháng thể đơn dòng CD13 (38C12) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với protein CD13 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
17	1	17	CD138, Clone MI15	3	Kháng thể đơn dòng CD138 (MI15) được sử dụng để xác định tính kháng nguyên vi quang học đối với protein CD138 của người trong mô nhúng parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	8		

Số TT MT	Phân phần	SIT	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Ma (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
18	1	18	CD14, Clone EP128	3	Kháng thể đơn dòng thô CD14 (EP128) được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	6		
19	1	19	CD163, Clone 10D6	3	Kháng thể đơn dòng CD163 (10D6) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với protein CD163 của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
20	1	20	CD1a, Clone MTB1	3	Kháng thể đơn dòng CD1a (MTB1) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD1a của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
21	1	21	CD2, Clone 11F11	K	Kháng thể đơn dòng CD2 (11F11) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD2 của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
22	1	22	CD20, Clone L26	3	Kháng thể đơn dòng chuột CD20 (L26) chống người được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide.								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Lọ	18		
23	1	23	CD23, Clone 1B12	3	Kháng thể đơn dòng CD23 (1B12) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD23 của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	12		
24	1	24	Glycophorin A (CD235a), Clone JC159	3	Kháng thể đơn dòng chuột Glycophorin thu được từ nuôi cấy nội trên bề mặt và pha loãng trước trong dung dịch đệm tris pH 7,4 có chứa Dung dịch sodium azide 0,375mM có tác dụng kim khuẩn và diệt khuẩn.								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Lọ	3		
25	1	25	CD25, Clone 4C9	3	Kháng thể đơn dòng CD25 (4C9) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD25 của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
26	1	26	CD3, Clone LN10	3	Kháng thể đơn dòng CD3 (LN10) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD3 của người trong mô đục parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	19		

Số TT MT	Phân phần	SIT	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
27	1	27	CD30, Clone JCM182	3	Kháng thể đơn dòng CD30 (JCM182) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD30 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	12		
28	1	28	CD33, Clone PWS44	3	Kháng thể đơn dòng CD33 (PWS44) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD33 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
29	1	29	CD34, Clone BQEnd/10	3	Kháng thể đơn dòng CD34 (BQEnd/10) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD34 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
30	1	30	CD38, Clone 38C03; same as SPC32	3	Kháng thể đơn dòng chuột CD38 thu được từ dịch nuôi cấy mô tinh khiết và pha loãng trong 10 mM Phosphat đệm nước muối (PBS), pH 7,2 chứa 1% huyết thanh bò albumin (BSA) và 0,09% sodium azide(NaN3).								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	8		
31	1	31	CD4, Clone 4B12	3	Kháng thể đơn dòng CD4 (4B12) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD4 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	5		
32	1	32	CD42b, Clone 42C01	3	Kháng thể đơn dòng chuột CD42b được tinh chế từ huyết thanh và được điều chế trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	3		
33	1	33	CD43, Clone MT1	3	Kháng thể đơn dòng CD43 (MT1) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD43 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	5		
34	1	34	CD45 (LCA), Clone X16/99	3	Kháng thể đơn dòng CD45 (X16/99) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD45 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	12		
35	1	35	CD5, Clone 4C7	3	Kháng thể đơn dòng CD5 (4C7) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD5 của người trong mô ức parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	10		

Số TT MT	Phân	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Mã (Code)	Hàng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
36	1	36	CD56, Clone CD564	3	Kháng thể đơn dòng CD56 (CD564) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD56 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
37	1	37	CD57, Clone NK-1	3	Kháng thể đơn dòng CD57 (NK-1) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD57 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	3		
38	1	38	CD61, Clone 212	3	Kháng thể đơn dòng CD61 (212) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD61 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	4		
39	1	39	CD64, Clone EPR4624	3	Kháng thể đơn dòng thỏ FCGR1A (CD64) được tính chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lo 7 ml và lo mã vạch/kit	Kit	6		
40	1	40	CD68, Clone 514H12	3	Kháng thể đơn dòng CD68 (514H12) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD68 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	3		
41	1	41	CD7, Clone LP15	3	Kháng thể đơn dòng CD7 (LP15) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD7 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	3		
42	1	42	CD79a, Clone (JCB117)	3	Kháng thể đơn dòng CD79 (JCB117) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD79 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	10		
43	1	43	CD8, Clone 4B11	3	Kháng thể đơn dòng CD8 (4B11) được sử dụng để xác định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD8 của người trong mô đục parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lo mã vạch 7 ml	Lọ	5		
44	1	44	CD99, Clone EP8	3	Kháng thể đơn dòng thỏ CD99 (EP8) được tính chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lo 7 ml và lo mã vạch/kit	Kit	1		

Số TT MT	Phân phần	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Mã HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
45	1	45	c-Myc Protein, Clone EP121 (also known as Y69)	3	Kháng thể đơn dòng thô c-Myc (EP121) được tinh chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	6		
46	1	46	Cyclin D1, Clone EP12	3	Kháng thể đơn dòng Cyclin D1 (EP12) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Cyclin D1 của người trong mô đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
47	1	47	Cyclin D2, Clone DCS-3	K	Kháng thể đơn dòng chuột Cyclin D2 (DCS-3) được tinh chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	1		
48	1	48	Multi-Cytokeratin AE1/AE3, Clone AE1/AE3	3	Kháng thể đa Cytokeratin (AE1 / AE3) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với các cytokeratins của người 56,5, 50, 50', 48 và 40 kD của nhánh họ axit và 65 đến 67, 64, 59, 58, 56 và 52 kD của nhánh họ cơ bản trong formalin cố định, mô đúc parafin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	5		
49	1	49	Anti-CMV (Cytomegalovirus), Clone DDG9/CCH2	K	Kháng thể CMV (DDG9/CCH2) là cocktail (trộn lẫn) của hai con chuột kháng thể đơn dòng từ nuôi cấy mô phân nội phía trên được pha loãng trong dung dịch muối đệm tris, pH 7,3-7,7, với cơ sở protein, và được bảo quản bằng sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	3		
50	1	50	IgM, Clone 8H6	3	Kháng thể đơn dòng IgM (8H6) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với IgM của người trong mô đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
51	1	51	Desmin, Clone DE-R-11	3	Kháng thể đơn dòng Desmin (DE-R-11) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Desmin của người trong mô đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
52	1	52	Epithelial Membrane Antigen (EMA), Clone GPI.4	3	Kháng thể đơn dòng EMA (GPI.4) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với EMA của người trong mô đúc parafin, cố định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
53	1	53	Epstein-Barr Virus (EBV), Clone CSI-4	3	Kháng thể đơn dòng chuột Epstein-Barr Virus (EBV) được tinh chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	4		

Số TT MT	Phân phần	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Mã HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
54	1	54	CD21 (Follicular Dendritic Cell), Clone 2G9	3	Kháng thể đơn dòng CD21 (2G9) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với CD21 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
55	1	55	Anti-HHV8, Clone 13B10	K	Kháng thể đơn dòng HHV8 (13B10) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với HHV8 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
56	1	56	HTLV1, Clone 1A3	K	Kháng thể đơn dòng chuột HTLV1 (1A3) được tinh chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	3		
57	1	57	Ki-67, Clone K2	3	Kháng thể đơn dòng Ki-67 (K2) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Ki-67 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	7		
58	1	58	MUM1, Clone EAU32	3	Kháng thể đơn dòng MUM1 (EAU32) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với MUM1 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	7		
59	1	59	Myeloperoxidase (MPO), Clone 59A5	3	Kháng thể đơn dòng MPO (59A5) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với MPO của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	7		
60	1	60	PAX-5, Clone 1EW	3	Kháng thể đơn dòng PAX-5(1EW) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với PAX-5 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6		
62	1	61	S-100, Clone (EP32)	K	Kháng thể đơn dòng S-100 được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với S-100 của người trong mô ức parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		

Số TT MT	Phân phần	SIT	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	MA HS	Ma (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
62	1	62	TdT, Clone SEN28	3	Kháng thể đơn dòng TdT (SEN28) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với TdT của người trong mô đúc parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.	7	8	9	10	11	12	13	14 lọ mã vạch 7 ml	Lọ	6	17	18
63	1	63	Vimentin, Clone V9	3	Kháng thể đơn dòng Vimentin (V9) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Vimentin của người trong mô đúc parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động.								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
64	1	64	SOX11, Clone MRQ-58	3	Kháng thể đơn dòng chuột SOX11 (MRQ-58) được tinh chế từ huyết thanh và được chuẩn bị trong 10mM, PBS, pH 7,4, với 0,2% BSA và 0,09% sodium azide								lọ 7 ml và lọ mã vạch/kit	Kit	10		
65	1	65	Anti-Lambda Light Chain, Clone SHL53	3	Kháng thể đơn dòng Lambda Light Chain (SHL53) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Lambda Light Chain của người trong mô đúc parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	5		
66	1	66	Anti-Kappa Light Chain, Clone CH15	3	Kháng thể đơn dòng Kappa Light Chain (CH15) được sử dụng để xác định định tính bằng kính hiển vi quang học đối với Kappa Light Chain của người trong mô đúc parafin, có định bằng formalin bằng phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch sử dụng hệ thống (máy) tự động								lọ mã vạch 7 ml	Lọ	3		
2 Phần 2: Nhóm hóa chất đếm tế bào máu và dịch tủy xương, gồm 10 danh mục																	
67	2	1	Bộ hóa chất kiểm tra mức 1, 2, 3	3	XN CHECK được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phần các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy XN.								3 lọ x 3 ml/bộ	Bộ	36		
68	2	2	Sulfolyser	3	Để xác định tự động nồng độ hemoglobin trong máu, cho máy phân tích huyết học								2 x 1,5 lít/hộp	Hộp	15		
69	2	3	Lysercell WNR	4	Chất ly giải cho máy phân tích huyết học								1 x 5 lít/hộp	Hộp	26		
70	2	4	Lysercell WDF	4	Gắn nhãn các tế bào bạch cầu trong mẫu pha loãng cho máy phân tích huyết học								1 x 5 lít/hộp	Hộp	27		
71	2	5	Fluorocell WNR	3	Được sử dụng để nhuộm các tế bào có nhân trong các mẫu pha loãng để xác định số lượng bạch cầu, số lượng hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu								2 x 82 ml/hộp	Hộp	18		
72	2	6	Fluorocell WDF	3	Gắn nhãn các bạch cầu trong mẫu máu pha loãng cho phân tích huyết học								2 x 42 ml/hộp	Hộp	30		
73	2	7	Fluorocell RET	3	Đếm số lượng và tỉ lệ phần trăm hồng cầu lưới cho máy phân tích huyết học								2 x 12 ml/hộp	Hộp	59		

Số TT MT	Phân phần	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
74	2	8	Cellpack DFL	4	Pha loãng máu toàn phần để phân tích hồng cầu lưới cho máy phân tích huyết học								2 x 1,5 lít/hộp	Hộp	30			
75	2	9	Cellpack DCL	4	Pha loãng máu toàn phần cho máy phân tích huyết học								1 x 20 lít/thùng	Thùng	110			
76	2	10	Cell Clean	3	Dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học								1 x 50 ml/hộp	Hộp	32			
	3	Phần 3: Nhóm hóa chất xét nghiệm FISH (ngoại kiểm), gồm 2 danh mục																
77	3	1	CEP 8 SpectrumOrange DNA Probe Kit with control slides, 20 Assay	K	- Có các đoạn đầu dò (probe) cho vùng tâm của nhiễm sắc thể số 8 - Kèm theo các tiêu bản nội kiểm.								20 assay/bộ	Bộ	1			
78	3	2	CEP X SpectrumOrange/ CEP Y SpectrumGreen DNA Probe Kit with control slide, 20 Assay	K	- Có các đoạn đầu dò (probe) cho vùng tâm của nhiễm sắc thể X và Y. - Kèm theo các tiêu bản nội kiểm.								20 assay/bộ	Bộ	3			
	4	Phần 4: Nhóm hoá chất cho xét nghiệm chức năng tiểu cầu, gồm 5 danh mục																
79	4	1	CD41 PE	3	- Kháng thể đặc hiệu cho CD41 - Chất huỳnh quang: PE - Dung dịch đệm: ≤ 0,1% NaN3.								2 ml/lọ	Lọ	16			
80	4	2	CD61 PC5.5	K	- Kháng thể đặc hiệu cho CD61 - Chất huỳnh quang: PC5.5/Per CP-Cy5.5 - Dung dịch đệm: BSA và NaN3 ≤ 0,1%.								0,5 ml/lọ	Lọ	3			
81	4	3	IgG1 FITC	3	- Kháng thể cho IgG - Chất huỳnh quang: FITC - Dung dịch đệm: BSA và NaN3 ≤ 0,1%								2 ml/lọ	Lọ	10			
82	4	4	CD42a FITC	K	- Kháng thể đặc hiệu cho CD42a - Chất huỳnh quang: FITC - Dung dịch đệm: BSA và NaN3 ≤ 0,1%.								2 ml/lọ	Lọ	10			
83	4	5	CD42b APC	K	- Kháng thể đặc hiệu cho CD42b - Chất huỳnh quang: APC - Dung dịch đệm: BSA và NaN3 ≤ 0,1%								0,5 ml/lọ	Lọ	3			
	5	Phần 5: Nhóm hóa chất PCR trong bệnh Hemophilia và Thalassemia, gồm 3 danh mục																
84	5	1	GoTaq® Green Master Mix	K	- Thành phần: + enzyme Taq DNA polymerase; + 2 chỉ thị màu: xanh (tương ứng độ dài 3-5kb) và vàng (tương ứng độ dài <50bp) + Nồng độ 2X, dung dịch đệm pH 8,5.								1000 phân tùng/lọ	Lọ	5			

Số TT MT	Phân phần	STT phần	Tên hoá chất	Nhóm	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Ma HS	Ma (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
85	5	2	Qiagen Long range PCR Kit	K	- Thành phần: chứa enzyme Taq DNA Polymerase nồng độ 5 unit/ul, Q- solution nồng độ 5X, khuếch đại gen đích tới \geq 40 kb.								100 phản ứng/hộp	Hộp	5		
86	5	3	KAPA HiFi HotStart ReadyMix PCR Kit	K	- Master mix nồng độ 2X, có sẵn enzym Hi Fidelity (0,5 U cho 1 phản ứng thể tích 25 ul), Mg2+ (2,5 mM) và dNTP (0,3 mM mỗi loại) trong nồng độ 1X. khuếch đại gen đích tới \geq 20 kb.								500 phản ứng (50ul/1phản ứng)/bộ	Bộ	1		

PHỤ LỤC II GÓI THẦU THEO DANH MỤC

STT MT	Tên hoá chất	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Mã HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
1	Ammonia solution 25% for analysis EMSURE®;	3 - Ammonia 25%; - Hóa chất phân tích	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Sodium hydrophosphate anhydrous for analysis	- Công thức hóa học: Na2HPO4 - Hóa chất phân tích - Dạng khan								Lọ 500gram	Lọ	8		
3	Eosin Y Certified	- Hàm lượng thuốc nhuộm (Dye content) ≥ 90 % - Thành phần hoạt động (Active Ingredients): Acid Red 87 - Nhuộm phù hợp máu, mô học (Hematology Stains, Histology Stains)								Lọ 100gram	Chai	2		
4	Potassium disulfite for analysis EMSURE®	- Công thức hóa học: K2S2O5 222,33g/mol. - Hóa chất phân tích								500g/lọ	Lọ	6		
5	Schiff Reagent	- Công thức hóa học: Na2SO3 - C.I. 42500 - pH 2.1-2.5								500ml/chai	Chai	11		
6	Silver nitrate for analysis	- Hóa chất phân tích - Công thức hóa học: AgNO3 - Nồng độ: 169,88 g/mol								Lọ 500gram	Lọ	4		
7	Sodium dihydrophosphate for analysis	- Công thức hóa học: NaH2PO4.2H2O - Hóa chất phân tích								Lọ 500gram	Lọ	8		
8	Copper (II) sulfate pentahydrate	- Công thức hóa học: CuSO4. 5H2O.								500g/lọ	Lọ	10		
9	Urease test	- Test đánh giá vi khuẩn HP dạ dày. Cung cấp hàng dùng thử: 1 hộp.								1 lọ 10ml+1 lọ 3ml (dung dịch A 10ml; dung dịch B 3ml)/hộp	Hộp	48		
10	Fetal Bovine Serum; certified for cell culture	- Huyết thanh bào thai bê được sử dụng trong nuôi cấy tế bào cơ bản, đã được kiểm tra Virus, Mycoplasma.									Chai	5		
11	Loading dye 10X bromophenol	- Sử dụng bromophenol								10 ml/lọ	Lọ	2		
12	Low molecular weight DNA marker	- Dạng dung dịch 10X - Dải kích thước từ ≤ 25 bp đến ≥ 700 bp - Cung cấp cùng loading dye								50 µg/bộ	Bộ	1		
13	Phytohemagglutinin, M form									5 ml/lọ	Lọ	2		
14	Redsafe Nucleic Acid Staining solution	- Được sử dụng để nhận biết ADN. Không độc, không gây đột biến, không gây ung thư. Nồng độ tối thiểu 20.000X.								1 ml/hộp	Óng	22		
15	CLL FISH probe Kit	- Gồm các thành phần: LSI 13q34/CEP12, TP53/ATM, DAPI II, NP-40								20 phần ứng/Bộ	Bộ	5		
16	10X Red Blood Cell (RBC) Lysis Buffer	Dung dịch ly giải tế bào hồng cầu nồng độ 10X								100 ml/chai	Chai	32		
17	Marrow MAX medium	- Môi trường nuôi cấy ngăn hạn tế bào tủy xương và tế bào sinh máu dùng cho XN di truyền tế bào gồm: huyết thanh bào thai bê (FBS), L-Glutamine, gentamicin. - Thời hạn bảo quản ở 2-8 độ C sau khi rã đông tối đa 60 ngày.								4 lọ x 100 ml/hộp	Hộp	80		
18	Dung dịch Braunoderm 250ml									Chai 250ml	Chai	1.000		
19	Anti - Fya	Hóa chất xác định kháng nguyên Fya								5 ml/lọ	Lọ	5		

STT MT	Tên hoá chất	Tính năng kỹ thuật	Phân nhóm	Mã HS	Mã (Code)	Hãng sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Nước sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng
20	Anti - Fyb	Hóa chất xác định kháng nguyên Fyb								5 ml/lọ	Lọ	5		
21	Anti-C	Hóa chất xác định kháng nguyên C								5 ml/lọ	Lọ	5		
22	Anti-c	Hóa chất xác định kháng nguyên c								5 ml/lọ	Lọ	44		
23	Anti-E	Hóa chất xác định kháng nguyên E								5 ml/lọ	Lọ	44		
24	Anti-e	Hóa chất xác định kháng nguyên e								5 ml/lọ	Lọ	5		
25	Anti-H	Hóa chất xác định kháng nguyên H								5 ml/lọ	Lọ	5		
26	Anti-Jka	Hóa chất xác định kháng nguyên Jka								5 ml/lọ	Lọ	39		
27	Anti-Jkb	Hóa chất xác định kháng nguyên Jkb								5 ml/lọ	Lọ	10		
28	Anti-K	Hóa chất xác định kháng nguyên K								5 ml/lọ	Lọ	5		
29	Anti-k	Hóa chất xác định kháng nguyên k								5 ml/lọ	Lọ	5		
30	Anti-Lea	Hóa chất xác định kháng nguyên Lea								5 ml/lọ	Lọ	10		
31	Anti-Leb	Hóa chất xác định kháng nguyên Leb								5 ml/lọ	Lọ	10		
32	Anti-Lua	Hóa chất xác định kháng nguyên Lua								2 ml/lọ	Lọ	5		
33	Anti-Lub	Hóa chất xác định kháng nguyên Lub								2 ml/lọ	Lọ	5		
34	Anti-M	Hóa chất xác định kháng nguyên M								5 ml/lọ	Lọ	5		
35	Anti-N	Hóa chất xác định kháng nguyên N								5 ml/lọ	Lọ	5		
36	Anti-S	Hóa chất xác định kháng nguyên S								5 ml/lọ	Lọ	10		
37	Anti-s	Hóa chất xác định kháng nguyên s								5 ml/lọ	lọ	5		
38	Anti-AI	Hóa chất xác định kháng nguyên AI								5 ml/lọ	Lọ	8		
39	Panel hồng cầu định danh kháng thể bất thường	Bao gồm tối thiểu các kháng nguyên sau: Rh(D, C, c, E, e), Lewis (Lea, Leb), Kell (K, k), Kidd (Jka, Jkb), Lutheran (Lua, Lub), MNS (M, N, S, s), Duffy (Fya, Fyb), P1PK (P1).								1x5 ml/ hộp	Hộp	12		
40	Trisodium citrate									500g/ lọ	Lọ	5		
41	Inosine									25g/lọ	Lọ	5		
42	Sodium Chloride									1kg/lọ	Lọ	2		
43	Dextrose monohydrate									1000g/lọ	Lọ	20		
44	OnSite Dengue Ag Rapid Test (DENGUE NS1)	Phát hiện nhanh kháng nguyên Dengue NS1								30 test/ Hộp	Hộp	30		
45	OnSite Dengue IgG/IgM Combo Rapid Test									Hộp 30 test	Hộp	15		
46	Alere Determine HIV 1/2	Nằm trong danh mục sinh phẩm được phép kháng định HIV do Bộ Y tế quy định								100 test /hộp	Hộp	4		
47	RPR carbon	Có chũm (-) và (+) đi kèm hộp sinh phẩm								250 test/hộp	Test	2.500		
48	Nước Javel 5% đến 7%	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch, làm trắng. Nồng độ Javen 5% đến 7%								1 lit/chai	Chai	140		
49	10% Neutral Buffered Formalin	- Formalin, đệm trung tính, 10%. Sử dụng cố định mô học. YC thử mẫu: 2 lit								Can 5 lit	Lít	150		
50	TPHA 100 test	- Có bộ chũm (-) và (+) đi kèm hộp sinh phẩm - Độ nhạy > 99,5%, độ đặc hiệu 100%, có phiên nhựa đi kèm.								100 test/hộp	Test	3.500		
51	SD Bioline HIV 1/2 3.0									Hộp 30 test	Hộp	10		